

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2025/DS-ST**

Ngày: 18-4-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Giàu

2. Bà Phạm Thị Kim Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Thanh Nhã – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 296/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ S, sinh năm 1964;

Địa chỉ: B, ấp B, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Trúc P, sinh năm 1992 và bà Lê Thị Kim P1, sinh năm 1998 (bà P có mặt);

Địa chỉ liên hệ: D T, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số D A, Phường C, Quận E, thành phố Hồ Chí Minh;

Chỗ ở hiện nay: Số H Đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ S là bà Lê Thị Trúc P trình bày: Do quen biết nên bà Nguyễn Thị Cẩm G có vay bà Nguyễn Thị Mỹ S số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng). Ngày 14/9/2023, bà Nguyễn Thị Cẩm G có viết tay giấy vay tiền với nội dung: bà G vay của bà S 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng), thời hạn vay là từ ngày 14/9/2023 đến 14/11/2023, hai bên không thỏa thuận lãi suất vay. Đến ngày 14/11/2023, bà G không hoàn trả số tiền đã vay cho bà S. Vì vậy, ngày 01/12/2023 bà G đã viết tay lời cam kết với nội dung: “Ngày 14 tháng 11 năm 2023 G có hứa trả cho chị M Sẽ tiền 1.100.000.000 (Một tỉ một trăm triệu đồng chẵn) số tiền này không phát sinh lãi suất. Nhưng đến nay tôi chưa có số tiền này để trả thì tôi xin đổi lại hẹn ngày 03/01/2024 sẽ trả lại hoàn tất số tiền trên cho chị Mỹ S. Nếu tôi không trả lại số tiền trên tôi sẽ chịu hoàn toàn trước pháp luật”. Tuy nhiên, hết thời hạn đã cam kết, bà G vẫn không trả cho bà S số nợ gốc theo như thỏa thuận. Bà S đã nhiều lần liên hệ nhưng bà G luôn diện cớ, tìm cách kéo dài thời gian. Nay, bà Nguyễn Thị Mỹ S yêu cầu Nguyễn Thị Cẩm G trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ S số tiền 1.100.000.000 đồng và lãi suất trên nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả tính đến ngày xét xử Sơ thẩm với lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng).

Tại phiên hòa giải ngày 07/3/2025, bị đơn là bà Nguyễn Thị Cẩm G trình bày: Bà G thừa nhận có vay của bà S số tiền 1.100.000.000 đồng. Bà có viết viết giấy tay do bà S giữ. Do làm ăn khó khăn nên bà đồng ý trả tiền gốc là 1.100.000.000 đồng, còn tiền lãi suất thì xin không trả. Hiện nay, bà đang sinh sống tại địa chỉ số H, Đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Bà đề nghị Tòa án liên hệ theo địa chỉ này. Nếu bà S rút đơn khởi kiện thì bà G hứa chậm nhất đến ngày 31/12/2025 bà G sẽ trả cho bà S số tiền 1.100.000.000 đồng. Nếu bà S không rút đơn thì bà G không đồng ý trả số tiền 1.100.000.000 đồng, bà G đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà P trình bày: Bà S giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà G trả cho bà S số tiền gốc là 1.100.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 04/01/2024 đến ngày 18/4/2025 (01 năm, 3 tháng, 14 ngày) là: $(01 \times 10\% \times 1.100.000.000đ) + (03 \times 0,83\% \times 1.100.000.000đ) + (14/30 \times 0,83\% \times 1.100.000.000đ) = 141.650.000$ đồng. Tổng số tiền bà S yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm G trả cho bà S tính đến ngày 18/4/2025 là 1.241.650.000. đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Cẩm G đến để tiến hành hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà G vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn là bà Nguyễn Thị Cẩm G chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; NQ 326/30.12.2016 hướng dẫn luật phí và lệ phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ S; cụ thể: Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm G phải có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền nợ gốc 1.100.000.000 đồng và tiền lãi 0.83%/tháng tính từ ngày 04/01/2024 cho đến khi xét xử xong vụ án; T án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Mỹ S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Cẩm G trả số tiền đã vay nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/3/2025, bị đơn là bà Nguyễn Thị Cẩm G trình bày bà đang sinh sống tại địa chỉ số H, Đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

[2.1]. Bà Nguyễn Thị Cẩm G là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà G vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà G theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Ngày 21/3/2025, Tòa án có nhận được các tài liệu (không xác định được người trực tiếp giao nộp), bao gồm: 1. Văn bản có tiêu đề “Ý kiến đối với đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị M sẽ” đề ngày 09/11/2024; tên Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm

1981; Địa chỉ: Số D A, Phường C, Quận E, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Số H Đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; 2. Bản chụp Văn bản có tiêu đề “tài khoản A Nguyễn Thị Cẩm G chuyển Nguyễn Thị Mỹ S”; 3. 14 tờ A4 bản phô tô giao dịch chuyển khoản.

Tòa án đã có Thông báo số 92/TB-TA về việc yêu cầu bà Cẩm G cung cấp cho Tòa án các thông tin, tài liệu, chứng cứ sau: Các tài liệu nêu trên có phải do bà Nguyễn Thị Cẩm G giao nộp hay không? Nếu là của bà G giao nộp thì đề nghị bà G giao nộp bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp và trình bày lý do của việc chậm giao nộp tài liệu chứng cứ đó. Hết thời hạn nhưng bà Cẩm G không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với thông báo của Tòa án. Do đó, căn cứ vào Điều 95 và 96 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử không xem xét các tài liệu trên.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Theo giấy tay có tiêu đề “giấy mượn tiền” ngày 14/9/2023 có chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Cẩm G thể hiện nội dung bà G có mượn của bà Nguyễn Thị Mỹ S số tiền 1.100.000.000 đồng vào ngày 14/9/2023 và hứa sẽ trả vào ngày 14/11/2023. Ngoài ra, theo giấy tay đề ngày 01/12/2023 có nội dung “Ngày 14 tháng 11 năm 2023 G có hứa trả cho chị M Số tiền 1.100.000.000 (Một tỉ một trăm triệu đồng chẵn) số tiền này không phát sinh lãi suất. Nhưng đến nay tôi chưa có số tiền này để trả thì tôi xin đổi lại hẹn ngày 03/01/2024 sẽ trả lại hoàn tất số tiền trên cho chị M Số...”.

Tại biên bản hòa giải ngày 07/3/2025 Bà G thừa nhận có vay của bà S số tiền 1.100.000.000 đồng. Bà có viết viết giấy tay do bà S giữ. Do làm ăn khó khăn nên bà đồng ý trả tiền gốc là 1.100.000.000 đồng, còn tiền lãi suất thì xin không trả. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì những tình tiết, sự kiện nói trên không cần phải chứng minh. Do đó, có cơ sở để xác định bà S có cho bà G mượn số tiền 1.100.000.000 đồng. Bà S yêu cầu bà G trả số tiền gốc là 1.100.000 đồng và lãi suất là tính từ ngày 04/01/2024 đến ngày 18/4/2025 với mức 0.83%/tháng. Bà G trình bày nếu bà S rút đơn khởi kiện thì bà G hứa chậm nhất đến ngày 31/12/2025 bà G sẽ trả cho bà S số tiền 1.100.000.000 đồng. Nếu bà S không rút đơn thì bà G không đồng ý trả số tiền 1.100.000.000 đồng, bà G đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, bản thân bà G là bên vay đã tham gia giao dịch về vay tiền với bà S nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền vay của mình là vi phạm hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà S, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của bà S, buộc bà G phải hoàn trả cho bà S số tiền vay là 1.100.000.000 đồng vốn gốc là phù hợp với quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.2] Về lãi suất: Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Do bà G vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, bà G phải trả lãi đối với tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn 20%/năm của số tiền chậm trả trên thời gian chậm trả, nếu không có thỏa thuận thì lãi suất được xác định bằng 10%/năm của số tiền chậm trả trên thời gian chậm trả. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất với mức lãi suất 10%/năm, tức 0,83%/tháng đối với số tiền trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Tiền lãi tính từ ngày 04/01/2024 đến ngày 18/4/2025 (01 năm, 3 tháng, 14 ngày) là: $(01 \times 10\% \times 1.100.000.000\text{đ}) + (03 \times 0,83\% \times 1.100.000.000\text{đ}) + (14/30 \times 0,83\% \times 1.100.000.000\text{đ}) = 141.650.000$ đồng.

[3.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ S, buộc bà Nguyễn Thị Cẩm G có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ S tổng số tiền là 1.241.650.000. đồng. Trong đó tiền gốc là 1.100.000.000 đồng, tiền lãi là 141.650.000 đồng.

[4] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ S được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Cẩm G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 36.000.000 đồng $+(3\% \times 441.650.000 \text{ đồng}) = 49.249.500$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ S đối với bà Nguyễn Thị Cẩm G về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cụ thể:

Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm G có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ S tổng số tiền là 1.241.650.000 (Một tỷ hai trăm bốn mươi một triệu sáu trăm năm mươi

ngàn) đồng; Trong đó tiền gốc là 1.100.000.000 (Một tỷ) đồng, tiền lãi là 141.650.000 (Một trăm bốn mươi một triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị Cẩm G phải nộp là 49.249.500 (Bốn mươi chín triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn năm trăm) đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Mỹ S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Nguyễn Thị Cẩm G vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Võ Thị Cẩm Trang

